

UBND TỈNH QUẢNG BÌNH
CTY TNHH MTV LCN
LONG ĐẠI

MTS: 3100113556

Số: 171 /KH-CT

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

Quảng Bình, ngày 27 tháng 04 năm 2018

KẾ HOẠCH SẢN XUẤT KINH DOANH VÀ ĐẦU TƯ PHÁT TRIỂN NĂM 2018
(Ban hành kèm theo Nghị định số 81/2015/NĐ-CP ngày 18 tháng 9 năm 2015 của Chính phủ)

Kính gửi: - UBND tỉnh Quảng Bình
- Bộ kế hoạch và Đầu tư

I. TÌNH HÌNH SẢN XUẤT KINH DOANH VÀ ĐẦU TƯ PHÁT TRIỂN NĂM 2017

TT	Các chỉ tiêu	ĐVT	Kế hoạch	Thực hiện
1	Các chỉ tiêu sản lượng chủ yếu			
	- KT gỗ tròn rừng tự nhiên	m3	5508 (2016 chuyển sang)	4.566,07
	- Gỗ cành ngọn sau khai thác chính	m3	825,00	674,38
	- Khai thác nhựa thông	Tấn	1030	833,56
	- Thu mua gỗ nguyên liệu	Tấn	50.000	61.447,85
	- Chế biến gỗ xẻ	m3	1000	1.031,05
	- Sản xuất hàng mộc	m3	2.000	1.970,42
	- SX ván ghép thanh	m3		7,11
	- Chế biến colo phan và tinh dầu thông	Tấn	900	727,124
3	Doanh thu	Tỷ đồng	112,248	179,161
4	Lợi nhuận trước thuế	Tỷ đồng	0,2	0,98
5	Nộp ngân sách	Tỷ đồng	6,0	11,029
6	Tổng vốn đầu tư	Tỷ đồng		
7	Kim ngạch xuất khẩu (nếu có)	1.000 USD	1.000	1.306,159
8	Các chỉ tiêu khác			

II. KẾ HOẠCH SẢN XUẤT KINH DOANH VÀ ĐẦU TƯ PHÁT TRIỂN NĂM 2018

CHỈ TIÊU KẾ HOẠCH NĂM 2018

TT	Các chỉ tiêu kế hoạch	Đơn vị tính	Kế hoạch năm 2018	Ghi chú
I	Kế hoạch sản xuất			
1	Sản phẩm sản xuất chủ yếu			
-	Khai thác gỗ rừng trồng	Ha	767,5	
-	Khai thác song mây	Tấn	70	
-	Chế biến gỗ xẻ các loại	m ³	1.100	
-	Khai thác mủ cao su	m ³	90	
-	Khai thác nhựa thông	Tấn	900	
-	Sản xuất hàng mộc và ván ghép thanh	Tr.đồng	2.500	
-	Xuất khẩu côlôphan	Tấn	670	
-	Xuất khẩu tinh dầu thông	Tấn	130	
-	Thu mua gỗ nguyên liệu giấy	Tấn	50.000	
2	Lâm sinh			
	Trồng mới cao su	Ha		
	Trồng rừng nguyên liệu	Ha	1.486,2	
II	Kế hoạch kinh doanh			
-	Tổng doanh thu	Tr.đồng	73.000	
-	Nộp ngân sách	Tr.đồng	5.500	

III. CÁC GIẢI PHÁP THỰC HIỆN

1. Xác định ngành nghề sản xuất kinh doanh

Để đảm bảo mục tiêu, nguyên tắc sắp xếp, đổi mới của Công ty theo Nghị định số 118/2014/NĐ-CP ngày 17/12/2014 của Chính phủ, chức năng nhiệm vụ và ngành nghề kinh doanh của Công ty sau khi sắp xếp, đổi mới được xác định như sau:

1.1 Ngành nghề sản xuất kinh doanh chính

- Trồng, chăm sóc, quản lý, bảo vệ rừng sản xuất;
- Trồng, chăm sóc, khai thác, chế biến mủ cao su;
- Khai thác gỗ rừng trồng;
- Chế biến và kinh doanh gỗ, lâm sản các loại;
- Trồng, chăm sóc, khai thác, chế biến nhựa thông.

1.2 Ngành nghề kinh doanh liên quan phục vụ trực tiếp cho ngành nghề sản xuất kinh doanh chính

- Sửa chữa, duy tu, bảo dưỡng đường vận chuyển, vận xuất phục vụ khai thác vận chuyển gỗ rừng trồng, chăm sóc cao su, khai thác nhựa thông;
- Thiết kế trồng rừng và khai thác gỗ rừng tự nhiên, rừng trồng;
- Tư vấn, đào tạo và cung cấp các dịch vụ hỗ trợ kỹ thuật ngành lâm nghiệp.

1.3 Ngành nghề kinh doanh khác: Các ngành nghề khác được UBND tỉnh chấp thuận.

2. Giải pháp về đất đai

a) Lập phương án sử dụng đất

Công ty sẽ lập phương án sử dụng đất trình Sở Tài nguyên và Môi trường thẩm định phương án sử dụng đất trước khi trình Ủy ban nhân dân cấp tỉnh phê duyệt. Nội dung phương án sử dụng đất bao gồm: vị trí, ranh giới sử dụng đất; diện tích đất đề nghị giữ lại sử dụng theo từng loại đất, hình thức thuê đất, giao đất cụ thể.

b) Tiến hành đo đạc, cắm mốc, giao đất, cho thuê đất và cấp giấy chứng nhận quyền sử dụng đất đối với diện tích giữ lại để sản xuất kinh doanh.

c) Đối với diện tích đất đề nghị thu hồi, bàn giao về địa phương: Công ty phối hợp với cơ quan chức năng tiến hành thực hiện thủ tục bàn giao và giải quyết các vấn đề liên quan đến tài sản và hồ sơ giao đất.

3. Giải pháp về quản lý, sử dụng rừng

- Rà soát, quy hoạch lại 3 loại rừng: Căn cứ Quyết định 2410/QĐ-UBND ngày 03/9/2014 của UBND tỉnh Quảng Bình về việc phê duyệt điều chỉnh quy hoạch 3 loại rừng tỉnh Quảng Bình giai đoạn đến năm 2020, đối với phần địa danh, diện tích và chức năng rừng đã quy hoạch cho Công ty, về cơ bản thực hiện theo quy hoạch 3 loại rừng của tỉnh, tuy nhiên Công ty cũng tiếp tục rà soát, xem xét và đề nghị điều chỉnh nếu cần thiết.

- Đối với diện tích rừng tự nhiên sản xuất:

+ Tiếp tục duy trì mô hình quản lý rừng bền vững và chứng chỉ rừng theo tiêu chuẩn FSC đối với diện tích đã cấp chứng chỉ tại chi nhánh Lâm trường Trường Sơn.

+ Xây dựng phương án quản lý rừng bền vững và cấp chứng chỉ rừng theo tiêu chuẩn FSC đối với diện tích rừng tự nhiên sản xuất tại Lâm trường Khe Giũa.

+ Thực hiện quản lý, bảo vệ và nuôi dưỡng để nâng cao chất lượng rừng rừng tự nhiên sản xuất đối với còn lại của Công ty.

- Đối với diện tích rừng trồng và đất chưa có rừng: Thực hiện sản xuất kinh doanh rừng trồng và mở rộng diện tích trồng rừng (từ đất chưa có rừng và đất rừng tự nhiên sản xuất trạng thái nghèo). Trong đó chú trọng nguồn giống có năng suất, chất lượng cao và đầu tư thâm canh để tăng năng suất, chất lượng rừng trồng. Về sản phẩm rừng trồng định hướng tập trung cho 2 sản phẩm chính đó là sản phẩm gỗ lớn và gỗ nguyên liệu dăm giấy phục vụ tiêu thụ nội địa và xuất khẩu.

- Đối với diện tích rừng phòng hộ: Công ty tổ chức thực hiện quản lý, bảo vệ theo quy định của pháp luật.

- Đối với diện tích rừng tự nhiên sản xuất: thực hiện quản lý bảo vệ rừng trên toàn bộ diện tích được giao. Hình thức quản lý, bảo vệ là: (1) Giao khoán quản lý bảo vệ rừng cho toàn bộ lực lượng bảo vệ rừng tập trung của Công ty; (2) Giao khoán quản lý bảo vệ rừng cho cá nhân, hộ gia đình ở địa phương đang sinh sống trên địa bàn; (3) Phối hợp bảo vệ rừng với các cơ quan chức năng trên địa bàn như: Đồn Biên phòng, Kiểm lâm địa bàn, chủ rừng kề...

4. Giải pháp về tài chính, đầu tư, tín dụng

- Vốn điều lệ: Vốn điều lệ của công ty được UBND Tỉnh Quảng Bình phê duyệt: 136,906 tỷ đồng. . Đề nghị nhà nước cấp đủ vốn điều lệ cho Công ty, số vốn điều lệ còn

0113
ON
VHH
CÓN
ON
3HÓI

thiếu: 22 tỷ đồng, số vốn còn lại công ty huy động vốn từ cán bộ công nhân viên và vay các ngân hàng thương mại.

- Mô hình công ty cơ bản vẫn như hiện nay Công ty TNHH MTV do nhà nước nắm giữ 100 % vốn điều lệ do đó chủ yếu là kiểm kê xác định giá trị vườn cây cao su, giá trị rừng trồng làm cơ sở cho việc thực hiện dự án liên doanh (nếu có) và làm tài sản thế chấp cho ngân hàng để vay vốn ngắn hạn và dài hạn đầu tư cho mở rộng sản xuất kinh doanh.

- Nhà nước giao kế hoạch và đảm bảo cấp kinh phí bảo vệ rừng theo QĐ 2242/TTg-CP: $60.938,91 \text{ ha} \times 200.000 \text{ đ/ha năm} = 12.187.782.000 \text{ đồng}$.

- Xử lý tài chính chính đối với tài sản trên đất khi bàn giao đề nghị nhà nước bồi thường giá trị tài sản trên đất và tiền thuê đất cho công ty

5. Giải pháp về lao động

Căn cứ định mức lao động và nhiệm vụ sản xuất kinh doanh sau sắp xếp đổi mới, công ty cân đối và thực hiện các giải pháp về lao động như sau:

- Tổng số lao động hiện có: 682 người.

+ Tiếp tục sử dụng: 682 người

+ Đào tạo lại để tiếp tục sử dụng: Tiếp tục đào tạo để nâng cao tay nghề cho người lao động khai thác mủ cao su, khía thác nhựa thông. Đáp ứng nhu cầu sản xuất kinh doanh của công ty.

Đối với lao động được tiếp tục sử dụng, công ty đã rà soát lựa chọn những lao động đủ điều kiện về sức khỏe, trình độ, tay nghề, thái độ lao động vv..để tiếp tục ở lại thực hiện nhiệm vụ theo đề án sau khi sắp xếp đổi mới

Đối với lao động đưa đi đào tạo để tiếp tục sử dụng: Đây là những đối tượng nằm trong kế hoạch lao động được bố trí việc làm nhưng do công ty phải cơ cấu lại tổ chức sản xuất nên phải điều chuyển từ lĩnh vực sản xuất này sang lĩnh vực sản xuất khác để chuyển nghề, buộc phải đào tạo lại mới đáp ứng yêu cầu nhiệm vụ. Giải pháp để thực hiện đào tạo: Đề nghị nhà nước hỗ trợ kinh phí đào tạo như đã quy định tại mục 4 điều 21 nghị định 118/2014 NĐ-CP.

Đối với lao động nghỉ theo luật lao động: Đây là đối tượng dự kiến đến tại thời điểm phê duyệt đề án đã đủ điều kiện để nghỉ hưu và chấm dứt hợp đồng lao động

- Tiếp tục sử dụng lại lao động là hộ nhận khoán để đảm bảo thực hiện kế hoạch sản xuất kinh doanh của công ty.

6. Giải pháp về khoa học và công nghệ

Để thực hiện mục tiêu Đề án, trong giai đoạn tới Công ty sẽ tìm kiếm đối tác để cùng đầu tư vào các hoạt động nghiên cứu và phát triển trong các lĩnh vực:

- Thực hiện quản lý rừng bền vững và chứng chỉ rừng theo tiêu chuẩn FSC cho đối tượng rừng tự nhiên sản xuất chưa được cấp chứng chỉ rừng của Công ty.

- Thực hiện chứng chỉ CoC cho Xí nghiệp chế biến gỗ của Công ty.

- Xây dựng biểu thể tích để nghiên cứu tăng trưởng của rừng tự nhiên và rừng trồng,

- Nghiên cứu ứng dụng các kỹ thuật công nghệ và thiết bị khai thác để thực hiện khai thác tác động thấp.

- Nghiên cứu ứng dụng các giải pháp lâm sinh mới áp dụng cho rừng trồng (tía thưa, kiểm soát sâu bệnh) và phục hồi rừng nghèo kiệt.

- Nghiên cứu ứng dụng quản lý rừng cộng đồng.
- Nghiên cứu ứng dụng kỹ thuật nhân giống công nghệ cao áp dụng vào trồng rừng sản xuất.

7. Giải pháp về chế biến

Công ty TNHH MTV LCN Long đại là mô hình công ty lâm nghiệp khép kín từ trồng, chăm sóc khai thác đến chế biến tiêu thụ sản phẩm. Đối với lĩnh vực chế biến hiện nay công ty có chế biến gỗ, chế biến dăm giấy, chế biến nhựa thông, dự kiến năm 2016 công ty sẽ đầu tư xây dựng nhà máy chế biến mù cao su.

- Về chế biến gỗ rừng tự nhiên: Chi nhánh chế biến gỗ và kinh doanh tổng hợp Đồng Hới sẽ tiếp tục đảm nhận chế biến gỗ khai thác từ rừng tự nhiên theo phương án rừng bền vững đã được cấp chứng chỉ FSC quốc tế. Công ty sẽ chỉ đạo xây dựng cấp chứng chỉ chuỗi sản phẩm (COC) tại chi nhánh này để tiêu thụ hướng vào xuất khẩu nhằm gia tăng giá trị sản phẩm chế biến từ gỗ có chứng chỉ FSC
- Về chế biến gỗ rừng trồng : Sản phẩm gỗ rừng trồng sẽ được chế biến tại 2 cơ sở chế biến của công ty là nhà máy dăm giấy Quảng đông và chi nhánh chế biến kinh doanh tổng hợp đồng hới. Năng lực chế biến của 2 cơ sở này đảm bảo chế biến hết sản phẩm gỗ rừng trồng của công ty. Hiện nay công ty đang triển khai trồng rừng gỗ lớn phục vụ cho chế biến tại chi nhánh chế biến kinh doanh tổng hợp Đồng hới phù hợp với chủ trương của nhà nước giảm dần chế biến dăm, tăng chế biến rừng trồng gỗ lớn.
- Về chế biến sản phẩm nhựa thông: Toàn bộ sản phẩm nhựa thông khai thác từ rừng thông nhựa của công ty tiếp tục được chế biến thành colopan và tinh dầu thông tại nhà máy chế biến nhựa thông, 100% sản phẩm được xuất khẩu. Năng lực chế biến của nhà máy vượt khả năng cung cấp nguyên liệu của công ty, nên không có hiện tượng bán nguyên liệu thô chưa chế biến.
- Về chế biến mù cao su: Với diện tích cao su hiện có của Công ty, dự kiến đến năm 2016 sẽ đưa vào khai thác mù một số diện tích, đồng thời sẽ triển khai đầu tư xây dựng nhà máy chế biến mù cao su trong giai đoạn này để chế biến hết sản phẩm mù cao su, không bán nguyên liệu thô ra ngoài.

Qua quá trình tổ chức sản xuất kinh doanh công ty đã có nhận thức rất sớm và đúng đắn đó là sản xuất gắn với chế biến, nên hiện nay công ty có hệ thống chế biến khá đồng bộ, đảm bảo chế biến hết các loại sản phẩm công ty sản xuất ra. Chính nhờ gắn kết giữa sản xuất hàng hóa và chế biến sản phẩm nên những năm qua mặc dù suy thoái kinh tế nhưng sản xuất kinh doanh của Công ty vẫn ổn định và đạt hiệu quả.

8. Giải pháp về thị trường

Là công ty lâm nghiệp đã từ lâu có thị trường tiêu thụ sản phẩm khá rộng rãi, khá ổn định, Công ty luôn có uy tín với khách hàng. Trong thời gian tới sau sắp xếp đổi mới công ty tiếp tục duy trì thị trường truyền thống đồng thời tích cực mở rộng thị trường mới

- Đối với sản phẩm Colopan và tinh dầu thông : Công ty tiếp tục duy trì xuất khẩu trực tiếp ra thị trường nước ngoài (hiện nay 100% sản phẩm được xuất khẩu)

556
 GTY
 ITV
 GNG
 JDA
 TQU

- Đối với sản phẩm dăm giấy : Công ty có thị trường tiêu thụ khá ổn định, có uy tín, nhưng mới chỉ tiêu thụ nội địa, thời gian tới khi cảng biển Hòn la được mở rộng, nạo vét đủ năng lực đón tàu lớn nước ngoài vào thì công ty sẽ xúc tiến mở rộng thị trường xuất khẩu

Để có thị trường tốt ngoài việc tiếp thị quảng bá, công ty sẽ không ngừng nâng cao chất lượng mẫu mã sản phẩm hàng hóa, phát triển thương hiệu sản phẩm của Công ty.

9. Giải pháp về tổ chức bộ máy

Để thực hiện Đề án sắp xếp, đổi mới của Công ty, giải pháp về tổ chức bộ máy và công tác phối kết hợp như sau:

9.1 Về tổ chức của Công ty

Về cơ bản cơ cấu tổ chức của Công ty vẫn giữ nguyên, bao gồm: Ban lãnh đạo Công ty gồm: Chủ tịch kiêm Giám đốc và 3 phó Giám đốc; Văn phòng Công ty gồm 04 phòng, ban nghiệp vụ: Phòng Kinh tế – Kế hoạch; Tổ chức – Hành chính; Phòng Kỹ thuật – Quản lý bảo vệ rừng; Ban Quy hoạch - Quản lý đất đai. Chín đơn vị trực thuộc là Chi nhánh lâm trường: Đồng Hới; Vĩnh Long; Kiến Giang; Rừng thông Bồ Trạch; Phú Lâm; Trường Sơn; Khe Giũa; Chi nhánh Khai thác vận tải và sản xuất vật liệu xây dựng và Chi nhánh Chế biến lâm sản và KD tổng hợp Đồng Hới. Thành lập mới nhà máy chế biến mù cao su.

Ngoài ra, Công ty còn góp vốn, giữ quyền chi phối với Công ty Cổ phần Chế biến nhựa thông Quảng Bình (đơn vị cổ phần hoá tách từ Công ty LCN Long Đại ra năm 2008) với 55% vốn điều lệ, số tiền 2.195.000.000 đồng; góp vốn với Công ty Cổ phần Chế biến lâm sản xuất khẩu Quảng Đông với 35,81% vốn điều lệ, số tiền 3.940.000.000 đồng.

9.2 Về công tác phối kết hợp với các cơ quan, ban ngành có liên quan

Công ty TNHH MTV LCN Long Đại là đơn vị trực thuộc UBND tỉnh Quảng Bình, thực hiện hoạt động sản xuất kinh doanh, để thực hiện tốt Đề án, Công ty quan hệ trực tiếp với các Sở, Ban, ngành liên quan của tỉnh để triển khai thực hiện, cụ thể:

- Sở Nông nghiệp và Phát triển nông thôn: chỉ đạo, hướng dẫn về chuyên môn, kỹ thuật có liên quan trong Đề án như: Quản lý sử dụng đất, sử dụng rừng và các vấn đề liên quan khác.

- Sở Tài nguyên – Môi trường: Chỉ đạo, hướng dẫn thực hiện trong vấn đề đo đạc, cắm mốc, giao đất, cho thuê đất và cấp giấy chứng nhận quyền sử dụng đất; Xử lý các trường hợp sử dụng đất chưa đúng quy định, đất cho thuê, cho mượn, lấn chiếm, tranh chấp, đất giao khoán, đất ở, đất kinh tế hộ gia đình, đất liên doanh, liên kết, hợp tác đầu tư;

- Sở Tài chính, Sở Kế hoạch - Đầu tư: chỉ đạo, hướng dẫn các vấn đề liên quan đến tài chính và đầu tư cho các nội dung của Đề án; Xử lý các khoản vốn và tài sản, nợ đọng, nợ khó đòi, tài sản còn vốn nhà nước trên đất.

- Sở Lao động Thương binh và xã hội: chỉ đạo, hướng dẫn các vấn đề liên quan đến người lao động.

Ngoài ra để thực hiện thành công Đề án, Công ty cũng là đơn vị đầu mối chịu trách nhiệm chính liên hệ với tất cả các cấp, các ngành liên quan khác để tiếp thu và giải quyết mọi vướng mắc trong quá trình thực hiện Đề án.

Nơi nhận

- Bộ Kế hoạch và Đầu tư
- UBND tỉnh Quảng Bình
- VTLT



Phan Đình Linh

II. KẾ HOẠCH SẢN XUẤT-KINH DOANH VÀ ĐẦU TƯ PHÁT TRIỂN NĂM 2018

STT	Mô tả	Đơn vị tính	Chỉ tiêu	Đơn vị tính	Chỉ tiêu
1	Chi phí xây dựng công trình	m ³			
2	Chi phí mua sắm thiết bị				
3	Chi phí mua sắm nguyên liệu				
4	Chi phí mua sắm vật tư				
5	Chi phí mua sắm máy móc				
6	Chi phí mua sắm phương tiện vận tải				
7	Chi phí mua sắm thiết bị văn phòng				
8	Chi phí mua sắm thiết bị y tế				
9	Chi phí mua sắm thiết bị điện				
10	Chi phí mua sắm thiết bị thông tin				
11	Chi phí mua sắm thiết bị khác				
12	Chi phí mua sắm thiết bị khác				
13	Chi phí mua sắm thiết bị khác				
14	Chi phí mua sắm thiết bị khác				
15	Chi phí mua sắm thiết bị khác				
16	Chi phí mua sắm thiết bị khác				
17	Chi phí mua sắm thiết bị khác				
18	Chi phí mua sắm thiết bị khác				
19	Chi phí mua sắm thiết bị khác				
20	Chi phí mua sắm thiết bị khác				
21	Chi phí mua sắm thiết bị khác				
22	Chi phí mua sắm thiết bị khác				
23	Chi phí mua sắm thiết bị khác				
24	Chi phí mua sắm thiết bị khác				
25	Chi phí mua sắm thiết bị khác				
26	Chi phí mua sắm thiết bị khác				
27	Chi phí mua sắm thiết bị khác				
28	Chi phí mua sắm thiết bị khác				
29	Chi phí mua sắm thiết bị khác				
30	Chi phí mua sắm thiết bị khác				